

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials xin gửi tới Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Theo quy định tại điểm a và c, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”), Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (sau đây gọi là “Công ty” hay “MHT”) xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế của Quý 1/2022 thay đổi trên 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước, như sau:

1. Trên báo cáo hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”):

Lợi nhuận sau thuế Quý 1/2022 của Tập đoàn là 126 tỷ VND, tăng gần 407 tỷ VND so với lỗ sau thuế 281 tỷ VND của cùng kỳ năm trước với các lý do chính sau:

- Lợi nhuận gộp Quý 1/2022 tăng 494 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước do:
 - Nhu cầu và giá vonfram trong Quý 1 vẫn duy trì xu hướng đi lên;
 - Giá florit vẫn duy trì ở mức cao dưới ảnh hưởng của thị trường toàn cầu;
 - Coban, sản phẩm được thu hồi từ dây chuyền tái chế của H.C Starck tăng giá trong những ngày cuối tháng 3.
- Thu nhập thuần từ hoạt động khác trong Quý 1/2022 tăng 46 tỷ VND chủ yếu đến từ việc Tập đoàn ghi nhận bổ sung khoản bồi thường bảo hiểm gián đoạn sản xuất năm 2021.
- Tuy nhiên, đóng góp của mức tăng từ lợi nhuận gộp và thu nhập thuần khác đã bị giảm trừ một phần bởi:
 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng tương ứng với sự tăng trưởng vượt bậc của doanh thu và lợi nhuận gộp, tăng 57 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước;
 - Chi phí tài chính thuần tăng 25 tỷ VND;
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 55 tỷ VND.



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo tài chính riêng cho quý
kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889 ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 2 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131 ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ông Akira Osada	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Ông Hady Seyeda	Phó Tổng Giám đốc
Ông Stuart James Wells	Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 Nghìn VND	01/01/2022 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		109.059.238	84.602.412
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.012.216	5.600.363
Tiền	111		4.012.216	600.363
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.723.137	78.800.192
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		34.000	92.800
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5	102.689.137	78.707.392
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.323.885	201.857
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.323.885	201.857
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		15.182.714.943	15.181.439.646
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	216	5	3.000.000.000	3.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		26.238.554	24.963.257
Xây dựng cơ bản dở dang	242	6	26.238.554	24.963.257
Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.156.476.389	12.156.476.389
Đầu tư vào công ty con	251	7	12.156.476.389	12.156.476.389
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.291.774.181	15.266.042.058

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2022 Nghìn VND	01/01/2022 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.132.230.580	3.108.407.105
Nợ ngắn hạn	310		132.230.580	108.407.105
Phải trả người bán	311		6.561.588	3.217.708
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		9.809	197.528
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	69.187.288	48.356.333
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	9	35.271.895	35.435.536
Vay ngắn hạn	320	10	21.200.000	21.200.000
Nợ dài hạn	330		3.000.000.000	3.000.000.000
Vay trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	11	3.000.000.000	3.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.159.543.601	12.157.634.953
Vốn chủ sở hữu	410	12	12.159.543.601	12.157.634.953
Vốn cổ phần	411	13	10.991.554.200	10.991.554.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>10.991.554.200</i>	<i>10.991.554.200</i>
Thặng dư vốn cổ phần	412	13	1.098.259.892	1.098.259.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		69.729.509	67.820.861
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	<i>421a</i>		<i>67.820.861</i>	<i>67.310.703</i>
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>1.908.648</i>	<i>510.158</i>
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.291.774.181	15.266.042.058

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 Nghìn VND	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 Nghìn VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	69.063.953	75.708.215
Chi phí tài chính	22	15	66.216.804	67.800.634
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		959.405	1.435.630
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 – 22 - 26)	30		1.887.744	6.471.951
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.887.744	6.471.951
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(20.904)	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 – 51)	60		1.908.648	6.471.951

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 Nghìn VND	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	1.887.744	6.471.951
Điều chỉnh cho các khoản			
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(69.063.953)	(75.708.215)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	66.216.804	67.800.634
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(959.405)	(1.435.630)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(2.681.020)	2.000.000
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	2.170.993	(2.615.998)
Biến động chi phí trả trước	12	-	(148.708)
		(1.469.432)	(2.200.336)
Tiền lãi vay đã trả	14	(45.650.899)	(45.621.918)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(167.816)	(245.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(47.288.147)	(48.067.881)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	27	45.700.000	46.385.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45.700.000	46.385.546
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(1.588.147)	(1.682.335)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.600.363	51.739.750
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	4.012.216	50.057.415

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty” hoặc “MHT”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất theo quý. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng VND làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(e) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(f) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(h) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(i) Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(m) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2022	01/01/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền gửi ngân hàng	4.012.216	600.363
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000
	4.012.216	5.600.363

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/03/2022	01/01/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn		
Phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD (a)	78.294.111	54.956.939
Phải thu từ khoản tiền đã chi hộ	23.733.671	23.695.453
Phải thu ngắn hạn khác	661.355	55.000
	102.689.137	78.707.392
Phải thu dài hạn		
Phải thu theo HĐHTKD Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (b)	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu theo HĐHTKD từ Công ty TNHH Vonfram Masan (c)	1.000.000.000	1.000.000.000
	3.000.000.000	3.000.000.000

- (a) Phải thu ngắn hạn phản ánh khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) và Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (Thuyết minh 5(b) và 5(c)).
- (b) Các khoản phải thu theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho NPM theo HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời hạn hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản tiền hợp tác cuối cùng (500 tỷ VND) vào ngày 28 tháng 5 năm 2019. Việc hoàn trả toàn bộ hoặc một phần số tiền hợp tác theo HĐHTKD sẽ được hai bên thỏa thuận trước khi kết thúc thời hạn hợp tác.
- (c) Các khoản phải thu dài hạn khác theo HĐHTKD phản ánh khoản đóng góp cho MTC theo HĐHTKD ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời hạn hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD vào tháng 11 năm 2018.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc phân chia lợi nhuận theo các HĐHTKD nêu trên tại các mục (b) và (c) được căn cứ theo tỷ lệ đã thỏa thuận như quy định trong các HĐHTKD và các HĐHTKD sửa đổi.

6. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2022	01/01/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	24.963.257	-
Tăng trong kỳ	1.275.297	24.963.257
	26.238.554	24.963.257
Số dư cuối kỳ	26.238.554	24.963.257

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí cho dự án mua phần mềm để nâng cấp hệ thống quản lý phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2022		01/01/2022	
	Nguyên giá	Giá trị thị trường	Nguyên giá	Giá trị thị trường
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	12.156.476.389	(*)	12.156.476.389	(*)

MRTN là một công ty đầu tư thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 100%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu để công bố báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì thông tin về giá thị trường không có sẵn và hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý bằng cách sử dụng các phương pháp định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Hệ thống Kế toán Việt Nam cho doanh nghiệp. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn cổ phần có thể khác với giá trị thực hiện.

8. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2022	01/01/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền lãi vay phải trả	68.008.538	47.442.633
Chi phí phải trả khác	1.178.750	913.700
	69.187.288	48.356.333
	69.187.288	48.356.333

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/03/2022	01/01/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Phải trả cho Công ty TNHH Tâm nhìn Masan (“MH”) - công ty mẹ cấp trung		
Phi thương mại – ngắn hạn (*)	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho NPM – công ty con		
Phi thương mại – ngắn hạn (*)	32.306.412	32.306.412
Phải trả cho các bên khác		
Phải trả ngắn hạn khác	453.698	617.339
	<hr/>	<hr/>
	35.271.895	35.435.536

(*) Các khoản phải trả các bên liên quan không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

10. Vay ngắn hạn

	31/03/2022	01/01/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Vay ngắn hạn công ty con	21.200.000	21.200.000

Các khoản vay từ một công ty con với lãi suất từ 2,6%-3,2% một năm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trái phiếu phát hành

	31/03/2022	01/01/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000

12. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn	Lợi nhuận	Tổng cộng
	Ngàn VND	cổ phần	chưa phân phối	Ngàn VND
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	10.991.554.200	1.098.259.892	67.310.703	12.157.124.795
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	6.471.951	6.471.951
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2021	10.991.554.200	1.098.259.892	73.782.654	12.163.596.746
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	10.991.554.200	1.098.259.892	67.820.861	12.157.634.953
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.908.648	1.908.648
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2022	10.991.554.200	1.098.259.892	69.729.509	12.159.543.601

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 31/03/2022 và 01/01/2022	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.099.155.420	10.991.554.200
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.098.259.892

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

14. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lãi từ hoạt động tài chính	26.782	385.546
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	69.037.171	75.322.669
	69.063.953	75.708.215

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 Nghìn VND	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	66.187.825	67.283.562
Chi phí đi vay	28.979	517.072
	66.216.804	67.800.634

16. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 Nghìn VND	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021 Nghìn VND
Bên liên quan của công ty mẹ cấp cao nhất			
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và các công ty con	Lãi trái phiếu	2.614.984	1.580.638
Công ty con			
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Phân chia lợi nhuận từ HDHTKD	46.391.618	50.303.316
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HDHTKD	22.645.553	25.019.354
	Chi phí lãi vay	167.277	-
		167.277	-

Ngày 28 tháng 4 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc